

## I. Câu hỏi và câu trả lời về khoảng cách

Form:

Question	Answer
How _____ is it _____ A _____ B?	_____ is (about) + khoảng cách

- a, It \_\_\_\_\_ over 90 km from my house to your house.  
b, It's 8 kilometers from my house \_\_\_\_\_ your house.

## II. USED TO (Thói quen trong quá khứ với "used to")

Form:

(+) S+ **used to** + V nguyên thể    Ving    to V

(-) S+ **didn't** used / use    to + V

(+) **Did** + S+ use to + V?

Ex: It used to (take) \_\_\_\_\_ her 20 minutes to go to school by bike.  
She didn't use to (play) \_\_\_\_\_ chess when she was young.

## III. -ed and -ing adjectives (tính từ dạng V-ing và V-ed)

- Thêm "-ed" vào sau động từ để tạo ra tính từ miêu tả ai đó cảm thấy như thế nào
- Thêm "-ing" vào sau động từ để tạo ra tính từ miêu tả ai, cái gì mang lại cảm giác như thế nào cho đối tượng.

ex: He was \_\_\_\_\_ that he couldn't pass the exam.

- A. disappoint                      B. disappointed                      C. disappointing

## IV. Connectors (Từ nối)

### 1. Although / In spite of/ Despite (Mặc dù)

**Although** + mệnh đề (S+V) /    cụm danh từ/danh từ

**In spite of/ Despite** + mệnh đề (S+V) /    cụm danh từ/danh từ

\_\_\_\_\_ ex: \_\_\_\_\_ beginning with a lot of stunts and fighting, the film makes you laugh.

- A. Although                      B. In spite                      C. Despite  
\_\_\_\_\_ Despite (be)                      frightened by the images, Lan still liked the film so much.

### 2. However / Nevertheless: Nhưng, tuy nhiên.

Thường có dạng:    mệnh đề A; **However / Nevertheless** , mệnh đề B

## V. H/Wh-questions (câu hỏi với từ để hỏi)

\_\_\_\_\_ do you prefer, Tet or Christmas? - I like Tet.

- A. Which                      B. Who                      C. When                      D. Why